



1116-55-MI Series Tải vừa

BÁNH XE ĐẦY THIẾT BỊ CÀNG INOX (Chuẩn Mỹ) 儀器不銹鋼腳輪系列

- Sản phẩm sử dụng cangk inox, thích hợp dùng trong nhà máy sợi và nhà máy gia công thực phẩm.
- 本產品採用不銹鋼腳架。適用於纖維廠、食品加工廠等。

Tải trọng 載重
90 - 150 kg



» Đặc điểm 特色區



Khóa kép
雙剎

» Vật liệu bánh xe 輪子選項



Bánh TPR lõi PP (514)
超級人造膠 (514)



Bánh Nylon
尼龍輪



Bánh WMRC
WMRC輪



Bánh Resolute (514)
全效輪 (514)



Bánh chịu nhiệt cao
耐高溫輪



Bánh NPPR
NPPR輪



Bánh QPU lõi nhôm
鋁芯AQPU



Bánh cao su chịu nhiệt cao
火燒輪



Bánh Firecat-H150
紅火輪-H150



Bánh cao su đàn hồi xanh
藍色彈力輪



Ô bi
滾珠軸承



Ống trục/
Ống bạc
中管

» Quy cách tấm lắp 底板規格

Số thứ tự 編號	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
1	92 x 70 mm (3-5/8"x 2-3/4")	45 x 75 mm (1-3/4"x 3")	8mm (5/16")
2	92 x 70 mm (3-5/8"x 2-3/4")	54 x 72 mm (2-1/8"x 2-7/8")	8mm (5/16")

» Quy cách trục trơn 插桿規格

Số thứ tự 編號	Đường kính x Độ dài trục trơn 插桿直徑 x 長度	Độ cao lỗ lắp 孔位高度	Kích thước lỗ lắp 孔尺寸
1	21.6 x 56 mm (0.845 diameter x 2-3/16")	—	Vòng chữ C (C型環)



» Quy cách trục ren 絲扣規格

Số thứ tự 編號	Đường kính ren X Độ dài trục ren 絲扣牙徑 X 長度
1	1/2-12UNC x 28 mm
2	5/8-11UNC x 32 mm
3	M12-1.75 x 25 mm

 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑	
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車				
75 mm x 32 mm (3" x 1-1/4")	90 kgs(198 lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	1116-MI-03-75-1	1116-MI-03-75-2	1116-MI-03-75-4	Ổ bi 滾珠	112.5 mm (4-7/16")	Xoay 79.5mm Khóa kép 105.5mm 活動 79.5mm 雙剎 105.5mm	
	90 kgs(198 lbs)	Bánh Resolute 全效輪	1116-MI-03-68-1	1116-MI-03-68-2	1116-MI-03-68-4				
	90 kgs(198 lbs)	Bánh WPPR W超級人造膠	1116-MI-03-47-1	1116-MI-03-47-2	1116-MI-03-47-4				
	110 kgs(250 lbs)	Bánh W Resolute W全效輪	1116-MI-03-48-1	1116-MI-03-48-2	1116-MI-03-48-4				
	125 kgs(275 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm 鋁芯AQPU	1116-MI-03-87-1	1116-MI-03-87-2	1116-MI-03-87-4				
	125 kgs(275 lbs)	Bánh WMRC WMRC輪	1116-MI-03-45-1	1116-MI-03-45-2	1116-MI-03-45-4				
	100 kgs(220 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1116-MI-03-07-1	1116-MI-03-07-2	1116-MI-03-07-4	Ổng trục/Ổng bạc 中管			
80 mm x 30 mm (3-1/8" x 1-3/16")	100 kgs(220 lbs)	Bánh cao su chịu nhiệt cao 火燒輪	1116-MI-32-92-1	1116-MI-32-92-2	—	Ổ bi 滾珠	115 mm (4-1/2")	Xoay 82mm 活動 82mm	
100 mm x 30 mm (4" x 1-3/16")	120 kgs(264 lbs)	Bánh cao su chịu nhiệt cao 火燒輪	1116-MI-04-92-1	1116-MI-04-92-2	1116-MI-04-92-4	Ổ bi 滾珠	137 mm (5-3/8")	Xoay 89.5mm Khóa kép 105.5mm 活動 89.5mm 雙剎 105.5mm	
100 mm x 32 mm (4" x 1-1/4")	100 kgs(220 lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	1116-MI-04-75-1	1116-MI-04-75-2	1116-MI-04-75-4	Ổ bi 滾珠 Ổng trục/Ổng bạc中管	Ổ bi 滾珠	137 mm (5-3/8")	Xoay 89.5mm Khóa kép 105.5mm 活動 89.5mm 雙剎 105.5mm
	105 kgs(231 lbs)	Bánh Firecat-H150 紅火輪-H150	1116-MI-04-109-1	1116-MI-04-109-2	1116-MI-04-109-4				
	125 kgs(275 lbs)	Bánh Resolute 全效輪	1116-MI-04-68-1	1116-MI-04-68-2	1116-MI-04-68-4				
	100 kgs(220 lbs)	Bánh WPPR W超級人造膠	1116-MI-04-47-1	1116-MI-04-47-2	1116-MI-04-47-4				
	135 kgs(300 lbs)	Bánh W Resolute W全效輪	1116-MI-04-48-1	1116-MI-04-48-2	1116-MI-04-48-4				
	135 kgs(300 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm 鋁芯AQPU	1116-MI-04-87-1	1116-MI-04-87-2	1116-MI-04-87-4				
	135 kgs(300 lbs)	Bánh WMRC WMRC輪	1116-MI-04-45-1	1116-MI-04-45-2	1116-MI-04-45-4				
	120 kgs(264 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1116-MI-04-07-1	1116-MI-04-07-2	1116-MI-04-07-4				
	135 kgs(300 lbs)	Bánh chịu nhiệt cao 耐高溫輪	1116-MI-04-25-1	1116-MI-04-25-2	1116-MI-04-25-4				
100 mm x 36 mm (4" x 1-1/2")	150 kgs(330 lbs)	Bánh cao su đàn hồi xanh 藍色彈力輪	1116-MI-04-50-1	1116-MI-04-50-2	1116-MI-04-50-4	Ổ bi 滾珠	137 mm (5-3/8")	Xoay 89.5mm Khóa kép 105.5mm 活動 89.5mm 雙剎 105.5mm	
125 mm x 32 mm (5" x 1-1/4")	110 kgs(250 lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	1116-MI-05-75-1	1116-MI-05-75-2	1116-MI-05-75-4	Ổ bi 滾珠 Ổng trục/Ổng bạc中管	Ổ bi 滾珠	163.5 mm (6-7/16")	Xoay 104mm Khóa kép 105.5mm 活動 104mm 雙剎 105.5mm
	140 kgs(308 lbs)	Bánh Firecat-H150 紅火輪-H150	1116-MI-05-109-1	1116-MI-05-109-2	1116-MI-05-109-4				
	150 kgs(330 lbs)	Bánh Resolute 全效輪	1116-MI-05-68-1	1116-MI-05-68-2	1116-MI-05-68-4				
	150 kgs(330 lbs)	Bánh WMRC WMRC輪	1116-MI-05-45-1	1116-MI-05-45-2	1116-MI-05-45-4				
	110 kgs(250 lbs)	Bánh WPPR W超級人造膠	1116-MI-05-47-1	1116-MI-05-47-2	1116-MI-05-47-4				
	150 kgs(330 lbs)	Bánh W Resolute W全效輪	1116-MI-05-48-1	1116-MI-05-48-2	1116-MI-05-48-4				
	150 kgs(330 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm 鋁芯AQPU	1116-MI-05-87-1	1116-MI-05-87-2	1116-MI-05-87-4				
125 mm x 36 mm (5" x 1-1/2")	150 kgs(330 lbs)	Bánh cao su đàn hồi xanh 藍色彈力輪	1116-MI-05-50-1	1116-MI-05-50-2	1116-MI-05-50-4	Ổ bi 滾珠	163.5 mm (6-7/16")	Xoay 104mm Khóa kép 105.5mm 活動 104mm 雙剎 105.5mm	
150 mm x 32 mm (6" x 1-1/4")	110 kgs(250 lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	1116-MI-06-75-1	1116-MI-06-75-2	1116-MI-06-75-4	Ổ bi 滾珠 Ổng trục/Ổng bạc中管	Ổ bi 滾珠	188 mm (7-7/16")	Xoay 107mm Khóa kép 107mm 活動 107mm 雙剎 107mm
	150 kgs(330 lbs)	Bánh Resolute 全效輪	1116-MI-06-68-1	1116-MI-06-68-2	1116-MI-06-68-4				